

Số: 14/QĐ - LHP

Gia Nghĩa, ngày 25 tháng 08 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 159/QĐ-UBND ngày 06 tháng 08 năm 2025 của UBND Phường Bắc Gia Nghĩa, Về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường Tiểu học Lê Hồng Phong.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025 của trường Tiểu học Lê Hồng Phong (theo biểu số 2 đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Kế toán và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc trường trường Tiểu học Lê Hồng Phong thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu : VT, KT.

#### THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Dung

Đơn vị: Trường Tiểu học Lê Hồng Phong

Chương: 622

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 141/QĐ-LHP ngày 25/08/2025 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Lê Hồng Phong)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

DVT: Đồng

| Số TT      | Nội dung                                                                                                                                | Dự toán được giao      |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1          | 2                                                                                                                                       | 3                      |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                      |                        |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                               |                        |
| 1          | Lệ phí                                                                                                                                  |                        |
| 2          | Phí                                                                                                                                     |                        |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                                                                 |                        |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                                                                                                               |                        |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                          |                        |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                    |                        |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                                           |                        |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                        |                        |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                  |                        |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                                                                                            |                        |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                                                                                                           |                        |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                                                                              |                        |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                   | <b>8.117.555.000</b>   |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                                                                       | <b>8.117.555.000</b>   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                                           |                        |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                                                                              |                        |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                                                                                      | <b>8.117.555.000</b>   |
| <b>3.1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                                                                                   | <b>7.825.285.000</b>   |
|            | Lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương                                                                                          | 7.240.195.000          |
|            | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập                                                                                        | 585.090.000            |
| <b>3.2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                                                             | <b>292.270.000,000</b> |
|            | Hỗ trợ tiền tết Nguyên đán cho các đối tượng theo Nghị quyết 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh)                             | 16.500.000             |
|            | Kinh phí thực hiện Hợp đồng Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ (Hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ) | 275.770.000            |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                                                               |                        |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                                                                                          |                        |